TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Kính

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên- Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa***:

Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991, số CCCD: 001191026305, cấp ngày 24/6/2021. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, nay là xã L,thành phố Hà Nội; hiện tại đang sống làm việc tại Nhật Bản; có đơn đề nghị vắng mặt.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Đ, thôn V, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; nay là thôn V, xã Â, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964, bà Chu Thị N1, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, nay là xã L,thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2025, bản tự khai cùng ngày 18/02/2025 được xác nhận của Đại sứ quán nước C1 tại Nhật Bản, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, cách nuôi dạy con, dần dần tình cảm phai nhạt, không có tiếng nói chung. Tháng 4 năm 2016 chị đưa con về nhà ngoại sinh sống, đến tháng 5/2022 chị đi lao động tại Nhật Bản. Kể từ đó vợ chồng ít liên lạc, lâu dần đến nay không còn liên lạc nữa, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Thùy C, sinh ngày 20/11/2015. Ly hôn, chị yêu cầu nhận nuôi con Nguyễn Thùy C; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian chị đang làm việc tại Nhật Bản chưa về nước nên đề nghị Tòa án tạm giao cháu C cho ông bà ngoại của cháu là ông Phạm Văn T và bà Chu Thị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do bận công việc và đi lại khó khăn nên đề nghị được vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/01/2026 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Phạm Thị L có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định(nay là UBND xã Â1, tỉnh Gia Lai). Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ mấy năm trước, nguyên nhân là do chị L tự ý dẫn con bỏ đi, sau đó chị L đi Nhật bản thì không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị L còn ở Nhật Bản nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L, khi nào chị L về mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị L có một con chung là Nguyễn Thùy C, sinh năm nào không nhớ, hiện con đang được chị L nuôi dưỡng ổn định. Từ lúc ly thân, anh chưa có điều kiện thăm con, do kinh tế không cho phép. Nếu chị L về để ly hôn thì anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, còn cấp dưỡng nuôi con chị L về mới giải quyết. Hiện nay, anh không có thu nhập ổn định, do tai nạn chân không đi lại bình thường được.

Về tài sản chung, nợ chung: Đợi bà L về mới giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại Văn bản gửi ngày 13/8/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T bà Chu Thị N1 trình bày:

Ông bà là bố mẹ ruột Phạm Thị L, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, thành phố Hà Nội, hiện nay Luyên sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, xin trình bày như sau:

Thứ nhất: Về hôn nhân, sau khi kết hôn, vợ chồng Luyên N2 sống chung được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 mẹ con L về sống chung với ông bà. Gia đình đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ nhưng cuộc sống vợ chồng Luyên Nông không thể cứu vãn được, nên ông bà đồng ý cho L ly hôn.

Thứ hai: Vợ chồng Luyên N2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy C sinh ngày 20/11/2015, hiện cháu ở cùng ông bà và cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C do L đang lao động tại Nhật Bản chưa về. Trong thời gian ở cùng cháu C phát triển tốt, được chúng tôi đưa đón đi học đầy đủ. Vì vậy, ông bà đồng ý sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C thay cho con gái(Luyên) và không yêu cầu L, N2 gửi tiền nuôi dưỡng cháu. Khi nào L về Việt Nam sẽ giao cháu C lại cho L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Thứ ba: Ông bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, nhưng vì đi lại khó khăn nên đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng đã hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chị Phạm Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T bà Chu Thị N1 có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS, đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn N của chị Phạm Thị L. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 20/11/2015 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng(tạm giao cháu C cho ông Phạm Văn T bà Chu Thị N1 là ông bà ngoại cháu C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L còn lao động ở Nhật Bản). Về tài sản chung: chị L, anh N không yêu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự(thụ lý trước ngày 01/7/2025). Nguyên đơn chị Phạm Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T bà Chu Thị N1 có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định(nay là xã Â, tỉnh Gia Lai) nên hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Phạm Thị L: Sau khi kết hôn khoảng 4 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống và cách nuôi dạy con chung, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tiếng nói chung. Tháng 4 năm 2016 chị đưa con về nhà ngoại sinh sống, đến tháng 5/2022 chị đi lao động tại Nhật Bản. Đến nay chị và anh

N không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn N. Còn anh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L tự ý bỏ đi, sau đó chị L đi Nhật bản thì không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị L còn ở Nhật Bản nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Cho thấy, chị L và anh N đã sống ly thân từ năm 2016, trong thời gian này anh N cũng không có giải pháp gì để níu kéo quan hệ vợ chồng; đến nay, chị L và anh N không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Thùy C, sinh ngày 20/11/2015. Hiện tại, chị L đi lao động tại Nhật Bản, nên cháu C được ông bà ngoại(ông Phạm Văn T và bà Chu Thị N1) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Văn bản gửi cho Tòa án ngày 13/8/2025 thể hiện: ông T bà N1 đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu C trong thời gian chị L còn lao động tại Nhật Bản, không yêu cầu chị L anh N cấp dưỡng nuôi con. Còn tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2026 anh N thừa nhận do kinh tế khó khăn nên anh không có điều kiện thăm con; hiện tại anh bị gãy chân đi lại không bình thường. Cho nên, giao cháu C cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu(Tạm giao cho ông T bà N1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L còn lao động tại Nhật Bản) là phù hợp nguyên vọng cháu C tại Văn bản cháu C gửi cho Tòa án ngày 13/8/2025 và có căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thùy C, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn N thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quảnlý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Thùy C, sinh ngày 20/11/2015; giao cháu Nguyễn Thùy C cho chị Phạm Thị L chăm sóc nuôi dưỡng (Tạm giao cháu C cho ông Phạm Văn T và bà Chu Thị N1 là ông bà ngoại của cháu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L còn lao động tại Nhật Bản).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thùy C, nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002124 ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh G).

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T bà Chu Thị N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp